TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 11 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành.

2. Ông Nguyễn Văn Mầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Hoàng P, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Quách Thị B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2017 và các lời khai tại Tòa án, anh Đỗ Hoàng P (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị B thành hôn vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 03/5/1993 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày 12/7/2005, hiện tại hai con đang sống với chị B. Sau khi ly hôn anh yêu cầu cháu Đỗ Thành Đ có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng. Đối với cháu Đỗ Hoàng Đ đã trưởng thành, sức khỏe vẫn phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/10/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Quách Thị B (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Chị thừa nhận vợ chồng có cự cãi về vấn đề kinh tế và tình cảm nhưng chưa đến mức phải ly hôn, chị không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ để cùng lo cho con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 03/5/1993 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày 12/7/2005, hiện tại con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu cháu Đỗ Thành Đ có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng. Đối với cháu Đỗ Hoàng Đ đã trưởng thành, sức khỏe vẫn phát triển bình thường nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có tài sản nhưng vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Quách Thị B tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị B vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh P và chị B thành hôn vào năm 1992, nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý. Mặc dù anh P yêu cầu ly hôn, chị B không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ nhưng do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn mà không công nhận quan hệ giữa anh P và chị B là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh, chị thống nhất có 02 con chung tên Đỗ Hoàng Đ, sinh ngày 03/5/1993 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày 12/7/2005, hiện tại hai con đang sống với chị B. Sau khi ly hôn anh, chị thống nhất cháu Đỗ Thành Đ có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đỗ Thành Đ theo biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2017 cháu Đ có nguyện

vọng sống với anh P nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đỗ Thành Đ cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Đỗ Hoàng Đ đã trưởng thành, sức khỏe vẫn phát triển bình thường nên anh P và chị B không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* Anh P và chị B thống nhất có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nếu anh, chị không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] *Về nợ thu, nợ trả*: Anh P và chị B thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa anh Đỗ Hoàng P và chị Quách Thị B là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cho anh Đỗ Hoàng P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 12/7/2005. Buộc chị Quách Thị B có nghĩa vụ giao cháu Đỗ Thành Đ cho anh Đỗ Hoàng P nuôi dưỡng, chị Quách Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Quách Thị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh Đỗ Hoàng P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003803 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Đỗ Hoàng P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của chị Quách Thị B là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống Đ hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Trúc Hằng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Trúc Hằng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 16 tháng 11 năm 2017.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành.

2. Ông Nguyễn Văn Mầm.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: *Ly hôn và nuôi con* giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Hoàng P, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Quách Thị B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa anh Đỗ Hoàng P và chị Quách Thị B là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cho anh Đỗ Hoàng P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Đỗ Thành Đ, sinh ngày 12/7/2005. Buộc chị Quách Thị B có nghĩa vụ giao cháu Đỗ Thành Đ cho anh Đỗ Hoàng P nuôi dưỡng, chị Quách Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Quách Thị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về án phí:

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng P phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003803 ngày 02/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hành Nguyễn Văn Mầm Lê Thị Trúc Hằng